**CHỦ ĐỀ 4: BÉ THÍCH LÀM NGHỀ GÌ**

*Thời gian thực hiện: 4 tuần Từ ngày 25/11 đến ngày 20/12/2024)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu giáo dục** | | | **Nội dung giáo dục** | | **Hoạt động giáo dục** | **Điều chỉnh bổ sung** |
| **TT** | | **Mục tiêu** |
| **1. Lĩnh vực phát triển thể chất** | | | | | | |
| 2 | - Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm: Hô hấp, tay, chân, bụng | | **-** Hô hấp: Hít vào thở ra  **-** Tay: Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, sau, trên đầu);  **-** Lưng, bụng: nghiêng người sang 2 bên  - Chân:Nhún chân | | **- Hoạt động học**  **+** Tay: Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, sau, trên đầu);  + Lưng, bụng: nghiêng người sang 2 bên  + Chân:Nhún chân |  |
| 3 | Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm) | | - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm) | | - **Hoạt động học**  *+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm)*  TC: Chuyền bóng qua chân |  |
| 4 | Trẻ kiểm soát được vận động: Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh | | - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh | | **- Hoạt động học**  *+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh*  Trò chơi: Chó sói xấu tính |  |
| 5 | Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Ném xa bằng 2 tay | | - Ném xa bằng tay | | **- Hoạt động học**  **+** *Ném xa bằng 2 tay*  T/c:chạy tiếp cờ |  |
| 6 | - Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập Bò chui qua cồng, Ném xa | | - Ném xa bằng 2 tay, bò chui qua cổng | | **- Hoạt động học**  *+ Bò chui qua cổng*  TC: Kéo co  *+ Ném xa bằng 2 tay*  TC: Chạy tiếp cờ  - TCM: Ném bóng vào rổ |  |
| 7 | Trẻ thực hiện được các cử động của bàn tay: Gập, đan các ngón tay vào nhau. | | - Gập, Đan các ngón tay vào nhau. | | **- Hoạt động chơi**  + TC mới: Dệt vải, Ném bóng vào rổ |  |
| 15 | Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học. | | - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người  - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe  - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm  - Nhận biết trang phục theo thời tiết | | + Trò chuyện nghề chăm sóc sức khỏe  + Tập luyện thói quen giữ gìn vệ sinh: rửa tay, mặc áo ấm khi trời rét, đi tất.  + Trò chuyện biểu hiện khi ốm đau.  **- Hoạt động chơi:**  + Góc học tập: Nhận biết trang phục theo thời tiết  + Góc Phân vai: Nhận biết một số biểu hiện khi ốm |  |
| **2. Lĩnh vực phát triển nhận thức** | | | | | | |
| 22 | | Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách , tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. | | - Đặc điểm, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề xây dựng, nghề truyền thống của địa phương: Nghề nông, nghề dệt, nghề đan lát. Nghề giúp đỡ cộng đồng, nghề sản xuất.  - Phân biệt được đặc điểm sản phẩm, đồ dùng, dụng cụ của một số nghành nghề | **- Hoạt động học:**  *+ Trò chuyện Nghề sản xuất*  *+Trò chuyện Nghề xây dựng*  *+ Trò chuyện Nghề truyền thống địa phương*  *+ Steam: Ước mơ làm bác sĩ nhí (5E)*  **- Hoạt động chơi:**  + TCM: Nói nhanh tên nghề, Dệt Vải, Ô tô về bến. |  |
| 23 | | Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát. | |  |
| 28 | | - Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình. | | - Chơi các trò chơi  -  Hát các bài hát về chủ đề nghề nghiệp  - Tô màu trang phục, sản phẩm, đồ dùng, dụng cụ của một số nghề | **- Hoạt động chơi:**  + Chơi đóng vai: Bán hàng, gia đình, Bác sỹ, cửa hàng ăn uống.  + Chơi xây dựng: Xây nhà của bé, xây vườn rau, xây khu chăn nuôi gia đình, Lắp ghép chuồng chăn nuôi.  + Góc âm nhạc: hát các bài hát về các nghề.  + Góc tạo hình: Làm đồ dùng nghề sản xuất, xây dựng, nghề nông, nghề mộc từ nguyên vật liệu phế thải  + Góc TN: Chăm sóc cây, lau lá, nhổ cỏ… |  |
| 35 | | - Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi…của một số nghề khi được hỏi , trò chuyện. | | - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề xây dựng, nghề truyền thống của địa phương: Nghề nông, nghề dệt, nghề đan lát. Nghề giúp đỡ cộng đồng, nghề sản xuất. | **- Hoạt động học:**  *+ Trò chuyện Nghề sản xuất*  *+Trò chuyện Nghề xây dựng*  *+ Trò chuyện Nghề truyền thống địa phương*  *+ Steam: Ước mơ làm bác sĩ nhí (5E)*  **- Hoạt động chơi:**  + Góc học tập: xem tranh, làm am bum các nghề  + Góc tạo hình: Lựa chọn và dán hình ảnh dụng cụ, công việc và sản phẩm các nghề  + Góc xây dựng: Xây nhà của bé, xây vườn rau, xây khu chăn nuôi gia đình, Lắp ghép  + Góc TN: Chăm sóc cây, lau lá, nhổ cỏ…  **- Hoạt động lao động:**  + Trải nghiệm nghề nông chăm sóc vườn cây, bắt sâu, nhổ cỏ  + Trải nghiệm nhặt đỗ, tuốt rau ngót. |  |
| 38 | | - Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi bao nhiêu, số mấy | | - Luyện đếm trên đối tượng trong phạm vi 4 và đếm theo khả năng. | -  **Hoạt động học:**  + C*ủng cố nhóm có số lượng 4, nhận biết số 4, số thứ tự trong phạm vi 4*  + Trò chuyện về địa chỉ nhà cháu thôn bản  **- Hoạt động chơi:**  + Góc học tập: Phân nhóm đồ dùng theo số lượng 4  + In số nhà, số đội bản  + So sánh các nhóm đối tượng trong phạm vi 4, nói kết quả. |  |
| 39 | | - Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 4 | |
| 40 | | - Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số số nhà, số đội bản | |
| 41 | | - Trẻ biết sử dụng số 4 để chỉ số lượng, số thứ tự. | | - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 4. |
| 42 | | - Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | | - Ghép đôi  - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 4 bằng các cách khác nhau và nói kết quả bằng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau; |
| 45 | | - Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại. | | - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. | **- Hoạt động học:**  + *So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc AA-BB.*  **- Hoạt động chơi:**  Góc khoa học: so sánh các đồ dùng và sắp xếp theo quy tắc |  |
| 46 | | - Trẻ được sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. | | - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. | **- Hoạt động học:**  + *Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo nói kết quả đo.*  **- Hoạt động chơi:**  + Góc khoa học: Đo độ dài vật dụng xung quanh vật bằng một đơn vị đo. |  |
| **3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | | | |
| 52 | | - Trẻ hiểu được một số từ khái quát: đồ gỗ, đồ nhựa | - Hiểu các từ chỉ đặc điểm sản phẩm của nghề | | **- Hoạt động học:**  + Trò chuyện về một số nghề  **- Hoạt động chơi:**  + Trò chơi mới: Nói nhanh tên nghề, dệt vải  + Trò chơi mới: Ô tô vào bến |  |
| 53 | | - Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. | - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc về chủ đề nghề nghiệp  - Nghe các bài thơ, đồng dao về chủ đề nghề nghiệp | | **- Hoạt động học:**  *+ Truyện: Chiếc ấm sành nở hoa. Cô bác sĩ tí hon*  *+ Thơ “Đi bừa, bé làm bao nhiêu nghề* |  |
| 59 | | - Trẻ đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao | - Đọc thơ “Đi bừa, bé làm bao nhiêu nghề” | | **- Hoạt động học:**  *+ Thơ: Đi bừa, Bé làm bao nhiêu nghề*  + Đọc đồng dao: Rềnh rềnh ràng ràng |  |
| 67 | | `- Trẻ biết sử dụng một số kí hiệu để “viết”: tên, thiệp chúc mừng… | `- Làm quen và nhận dạng 1 chữ cái  `- Tập tô, tập đồ, làm quen 1 số nét cơ bản `- Làm quen cách viết tiếng việt: Hướng viết các nét chữ | | **- Hoạt động chơi:**  + Góc học tập: Chơi ghép chữ cái  + Tập tô, tập đồ, làm quen 1 số nét cơ bản  + Tô màu chữ cái e,ê |  |
| **4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội** | | | | | | |
| 70 | | - Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi) | - Khả năng của bản thân | | **Hoạt động lao động:**  + Có ý thức giữ gìn sản phẩm các nghề, lau dọn đồ dùng, sắp xếp đồ dùng ngăn nắp. |  |
| 80 | | - Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. | `- Chờ đến lượt, hợp tác. `- Quan tâm, giúp đỡ bạn - Mọi trẻ đều có thể thực hiện cùng nhau với | | **Hoạt động chơi:**  + Chơi đóng vai: Bán hàng, gia đình, Bác sỹ, cửa hàng ăn uống.  + Góc âm nhạc: hát các bài hát về nghề nghiệp.- |  |
| 82 | | `- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. | Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối | | **- Hoạt động chơi:**  + Trải nghiệm làm đất, trồng cây, bắt sâu, lau lá |  |
| **5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ** | | | | | | |
| 86 | `- Trẻ vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng | | - Bộc lộ cảm xúc phù  hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của cây, hoa quả trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật  - Nghe và nhận ra các loại nhạc thiếu nhi: Ngày mùa vui, Lý cây bông, Lớn lên em sẽ làm gi?, | | - **Hoạt động học:**  *+ Nặn sản phẩm nghề nông*  *+ Cắt dán đồ dùng nghề truyền thống địa phương*  - **Hoạt động chơi:**  + Trải nghiệm thiên nhiên, thay đổi thời tiết, chăm sóc cây xanh  **- Hoạt động học:**  *+ Nghe hát: Ngày mùa vui, Lý cây bông, Lớn lên em sẽ làm gì?,*  *+ TCAN:*  **- Hoạt động chơi:**  + Góc âm nhạc: Nghe hát các bài hát về nghề nghiệp. |  |
| 87 | - Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật về màu sắc, hình dáng của các tác phẩm tạo hình. | |
| 88 | - Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát bản nhạc. | | - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca) | |
| 89 | - Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ. | | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát*:* Cháu yêu cô thợ dệt**,** cháu yêu cô chú công nhân, chú bộ đội | | **- Hoạt động học:**  *+ Hát: Cháu yêu cô thợ dệt****,*** *cháu yêu cô chú công nhân, chú bộ đội*  **- Hoạt động chơi:**  + Góc âm nhạc: Hát các bài hát về chủ đề nghề nghiệp |  |
| 90 | - Trẻ múa, vỗ tay theo nhịp, tiết tấu chậm bài hát. | | - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc: Cháu yêu cô thợ dệt**,** cháu yêu cô chú công nhân, chú bộ đội | | **- Hoạt động học:**  *+ Múa: Chú bộ đội*  *+ VTTTC: Cháu yêu cô chú công nhân* |  |
| 93 | - Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các đồ chơi | | - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu, vỏ hộp, đồ chơi để xếp, ghép hình tạo ra sản phẩm theo ý thích. | | **- Hoạt động chơi:**  *+ Làm đồ dùng nghề từ nguyên vật liệu tái chế*   * **Hoạt động chơi:**   + Chơi góc tạo hình: tô màu, dán, in hình sản phẩm nghề. |  |
| 94 | - Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh về cây, hoa, quả có màu sắc và bố cục. | | - Sử dụng các kỹ năng vẽ, cắt dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.. | | - **Hoạt động học:**  ***+*** *Nặn sản phẩm nghề nông*  *+ Cắt dán đồ dùng nghề truyền thống địa phương*   * **- Hoạt động chơi:**   + Chơi góc tạo hình : vẽ, cắt dán đồ dùng sản phẩm các nghề |  |
| 96 | - Trẻ biết cắt và dán thành sản phẩm các con vật có màu sắc và bố cục. | |
| 97 | `- Trẻ biết phối kết hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. | |

**CHỦ ĐỀ 4: BÉ THÍCH LÀM NGHỀ GÌ**

*(Thời gian thực hiện: 4 tuần Từ ngày 25/11 đến ngày 20/12/2024)*

**MỞ CHỦ ĐỀ**

**I. Chuẩn bị**

- Giáo viên dặn trẻ chuẩn bị các phế liệu để tạo ra đồ dùng, dụng cụ và sản phẩm các nghề, tạo môi trường lớp học theo chủ đề

**II. Tiến hành**

- Trò chơi Tìm nhà. Nhà bác thợ mộc, nhà chú thợ xây, nhà cô thợ may, nhà bác sỹ

- Qua trò chơi, giáo viên gợi hỏi các nghề nghiệp phổ biến trong xã hội.

+ Hỏi ba mẹ trẻ làm nghề gì ?, ở đâu ?. Công việc đặc trưng của từng nghề ?.

+ Đồ dùng để làm nghề ?. Các sản phẩm của từng nghề ?. Mỗi người đều có một nghề, mỗi nghề đều có ích lợi và đều phục vụ cho đời sống con người. Nhưng mỗi nghề đều có dụng cụ khác nhau và tạo ra sản phẩm khác nhau.

+ Muốn hiểu rõ hơn, cô và bé cùng nhau tìm hiểu một số nghề trong xã hội nhé !